

Bản án số: **106/2024/KDTM-PT**

Ngày: 07/5/2024

Về việc tranh chấp hợp đồng thi công.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Phúc Hảo

*Các Thẩm phán:* Bà Trương Thị Thảo

Bà Mai Thị Thanh Tú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thúy Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thuận Hòa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4 và ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/KDTMPT ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 70/2023/KDTM-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận B7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1442/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4627/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H; Địa chỉ: H40 Đường Tk20 ấp TL, xã BĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Quỳnh M (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn H thuộc Công ty Luật TNHH Hãng luật HD - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T; Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà LS, 801 Đại Lộ N, Phường TP, Quận B7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Ngọc H1 và ông Nguyễn Thành V (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2022)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:*

*Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/4/2019, Công ty TNHH Xây dựng H có ký với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T Hợp đồng thi công Hàng Rào và Công số CSCECVN-SEA-DP380-SUBP-090.

Ngày 25/12/2020, hai bên đã tiến hành ký Biên bản Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng theo đúng quy trình và thoả thuận tại hợp đồng thi công đã ký kết. Tại Mục 5 của Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng, đại diện hợp pháp của cả hai bên đã Kết luận nội dung: “Đồng ý nghiệm thu hoàn thành công việc và quyết toán cho nhà thầu”.

Tại Biên bản quyết toán hợp đồng ký, đóng dấu giữa hai bên vào ngày 25/05/2021 ghi nhận rằng Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có trách nhiệm phải thanh toán số tiền còn lại là: 3.046.848.328đ (Ba tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm hai mươi tám đồng), cộng với khoản tiền 5% bảo hành công trình, khi hết hạn bảo hành (24 tháng), hoặc khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H mở bảo lãnh bảo hành, số tiền là: 558,571,096 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu năm trăm bảy mươi một ngàn không chẵn chín mươi sáu đồng).

Hai bên đã đồng ý với giá trị quyết toán này và không có bất kì thắc mắc, khiếu nại gì. Tuy nhiên cho đến nay, ngày 27/06/2022 bên Công ty Trách nhiệm hữu hạn T mới chỉ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H được một phần giá trị quyết toán sau cùng. Số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn T hiện còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H là: 1.117.142.191 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H đề nghị Toà án nhân dân Quận B7 Thành Phố Hồ Chí Minh buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H 1.117.142.191 đồng và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

*Theo nội dung đơn phản tố và các bản tự khai bị đơn trình bày:*

Ngày 24/4/2019, Công ty TNHH Xây dựng H có ký với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T Hợp đồng thi công Hàng Rào và Công số CSCECVN-SEA-DP380-SUBP-090.

Ngày 25/12/2020, hai bên đã tiến hành ký Biên bản Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng theo đúng quy trình và thoả thuận tại hợp đồng thi công đã ký kết. Tại Mục 5 của Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng, đại diện hợp pháp của cả hai bên đã Kết luận nội dung: “Đồng ý nghiệm thu hoàn thành công việc và quyết toán cho nhà thầu”.

Nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ bảo hành quy định tại điều 5 Hợp đồng, thì Bị đơn không có nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hành, tức 10% theo quy định tại khoản 3.4 Hợp đồng, đồng thời còn gây ra thiệt hại cho Bị đơn (chưa xác định được giá trị thiệt hại vào thời điểm này) do không thực hiện nghĩa vụ

bảo hành.

Căn cứ theo Điều 5 của Hợp đồng (theo tài liệu của nguyên đơn): “Thời hạn bảo hành: 24 tháng kể từ ngày Bên B hoàn thành toàn bộ công việc hợp và bàn giao cho Bên A”; căn cứ theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng (theo tài liệu của nguyên đơn) được tiến hành vào ngày 25/12/2020, thì thời hạn bảo hành công trình là ngày 25/12/2022, tức là còn gần 01 tháng nữa mới hết thời hạn bảo hành kể từ thời điểm này.

Tuy nhiên trong suốt thời gian bảo hành, từ ngày 25/12/2020 đến nay vẫn chưa thực hiện bất kỳ công tác bảo hành nào tại công trình dù bị đơn đã nhiều lần dùng nhiều hình thức liên hệ, kể từ thời điểm bàn giao công trình cho đến nay thì bị đơn đã phải dùng kinh phí của bị đơn để thực hiện một phần công tác bảo hành thay cho nguyên đơn đối với các hư hỏng phát sinh thực tế tại công trình.

Đến ngày 06/06/2022, thì bị đơn cũng đã gửi văn bản số 01/2022/CSCEC-VLF yêu cầu bảo hành: “Nay đề nghị quý công ty phối hợp thực hiện công tác bảo hành tại công trường trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo quy định tại điều 5 Hợp đồng”. Vậy mà từ đó đến nay, nguyên đơn vẫn không có bất kỳ phản hồi nào, cũng như không hề triển khai thực hiện công tác bảo hành.

Việc nhà thầu không thực hiện bảo hành đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến bị đơn, cụ thể là đại diện của Chủ đầu tư đã gửi văn bản thông báo số VDP-LT- MAINCON.Z8-CSCEC-114 ký ngày 08/11/2022 trong đó nêu: “Bởi vì nhà thầu đã không hoàn thành việc sửa chữa các hư hỏng của công trình trong thời hạn hợp lý được thông báo, nên Chủ đầu tư đã thuê đơn vị thi công khác để thực hiện việc sửa chữa các hư hỏng...”. Đồng thời đại diện của Chủ đầu tư đã đưa ra “chi phí dự kiến khoảng 18.225.276.028 đồng. Hiện tại, đơn vị thi công do Chủ đầu tư thuê và bị đơn vẫn đang thực hiện công tác bảo hành tại công trình cho đến khi hết thời hạn bảo hành là ngày 25/12/2022.

Sau khi xác nhận giá trị quyết toán hợp đồng với tổng giá trị là 11.121.421.920 đồng thì nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ bảo hành và không cung cấp Chứng chỉ thanh toán tạm (IPC) cho khoản tiền bảo hành 10% quy định tại khoản 3.4 Hợp đồng tức 1.117.142.191 đồng. Bị đơn đã trình bày rõ về việc phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng và lập Chứng chỉ thanh toán tạm (IPC) để làm căn cứ thanh toán tạm. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn vẫn không thực hiện cũng như không có bất kỳ phản hồi nào.

Tại thời điểm nguyên đơn lập hồ sơ quyết toán, trong đó ghi nhận giá trị lũy kế đã thanh toán là 7.566.002.496 đồng, sau khi nguyên đơn nộp hồ sơ quyết toán thì bị đơn đã tiếp tục thanh toán 5 lần với số tiền là 1.800.000.000 đồng, tức lũy kế thanh toán đến thời điểm hiện tại là: 9.366.002.496 đồng. Ngoài ra, bị đơn sẽ tiếp tục thanh toán số tiền 688.277.233 đồng trong vòng 07 ngày tới. Như vậy, bị đơn sẽ hoàn thành việc thanh toán số tiền 10,054,279,729 đồng trong vòng 07 ngày tới, lũy kế đến 90% giá trị quyết toán hợp đồng. Số tiền còn lại 1.117.142.191 đồng thì bị đơn không có nghĩa vụ thanh toán vào thời điểm này

do nguyên đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ bảo hành và chưa lập hồ sơ thanh toán theo yêu cầu.

Bị đơn phản tố yêu cầu Tòa án bác các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bị đơn được sử dụng số tiền dùng để bảo hành theo hợp đồng 1.117.142.191 đồng.

*Phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H số tiền 1.117.142.191 đồng (Một tỷ một trăm mười bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn một trăm chín mươi một nghìn đồng) theo Hợp đồng thi công Hàng Rào và Cổng số CSCECVN-SEA-DP380-SUBP-090 ngày 24 tháng 4 năm 2019. Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thi hành án.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm. Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm xét xử không đúng, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 10% giá trị hợp đồng là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 70/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận B7, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

Tại phiên tòa, các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền còn thiếu từ hợp đồng thi công, đây là tranh chấp giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ tại Lầu 6 Tòa nhà LS, 801 Đại Lộ N, phường TP, Quận B7. Việc Tòa án nhân dân Quận B7 giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/7/2023, đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm ngày 07/8/2023 là còn trong thời hạn luật định, kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không đúng nội dung, không đúng thỏa thuận của các bên và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm xét xử không đúng, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 10% giá trị hợp đồng là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Ngày 24/4/2019 nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng thi công Hàng rào và Cổng số CSCECVN-SEA-DP380-SUBP-090. Hợp đồng hai bên thỏa thuận có nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật nên có giá trị thi hành, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Ngày 25/12/2020 hai bên đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục xây dựng theo đúng quy trình và thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng thi công. Mục 5 biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng hai bên đã thống nhất “ đồng ý nghiệm thu hoàn thành công việc và quyết toán cho nhà thầu”. Tính cho đến ngày 27/6/2022 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn phần giá trị quyết toán sau cùng, riêng phần bảo hành 1.117.142.191 đồng là còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận bị đơn chưa thanh toán khoản tiền này. Hiện công trình đã hết thời gian bảo hành (24 tháng tính từ ngày 25/12/2020) nên việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền trên là có căn cứ.

[2.2] Bị đơn không đồng ý thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu được giữ lại số tiền bảo hành để bị đơn sử dụng là vì nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo thỏa thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo thỏa thuận hai bên tại Điều 5 của hợp đồng thi công, thời hạn bảo hành công trình là 24 tháng kể từ ngày bên B hoàn thành toàn bộ công việc và bàn giao cho bên A”. Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 25/12/2020, như vậy thời hạn bảo hành là đến hết ngày 25/12/2022. Ngày 08/12/2022 bị đơn có công văn số 03/2022/CSCEC-VLF gửi nguyên đơn yêu cầu bảo hành là còn trong thời hạn bảo hành.

Điều 125 Luật xây dựng quy định về bảo hành công trình xây dựng như sau “1. nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bảo hành công trình do mình thi công..2. nội dung bảo hành công trình gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, kiểm khuyết do lỗi của nhà thầu gây ra..”

Điều 5 hợp đồng hai bên thỏa thuận “trong thời hạn bảo hành, bên B chịu trách nhiệm sửa chữa miễn phí các sai sót, khiếm khuyết của công trình..”

Xét nội dung công văn số 03/2022/CSCEC-VLF ngày 08/12/2022 của bị đơn: “Nay đề nghị quý công ty sắp xếp xử lý sửa chữa, khắc phục các sai sót, hư hỏng, khiếm khuyết chất lượng công trình đã phát sinh thực tế của các căn còn lại trong tổng số 223 căn biệt thự nêu trên. Vui lòng triển khai công việc trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này và hoàn thành trước ngày 25/12/2022”. Nội dung công văn trên bị đơn yêu cầu nguyên đơn tiến hành việc bảo hành đối với 223 căn biệt thự còn lại, nhưng không nói rõ là căn nào? Hư hỏng ở đâu?

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn cho biết thời điểm gửi công văn số 03 yêu cầu nguyên đơn thực hiện bảo hành thì bị đơn vẫn không nắm rõ được chi tiết hư hỏng và cần bảo hành ở những vị trí nào, vì công trình nguyên đơn thi công là hàng rào của khu biệt thự, việc kiểm tra, xem xét thực tế còn phụ thuộc vào chủ đầu tư và chủ nhà đang sử dụng, việc này cần có sự có mặt của nguyên đơn cùng bị đơn kiểm tra, khảo sát thực tế và việc bảo hành theo hư hỏng thực tế tại công trường.

Xét nội dung công văn yêu cầu bảo hành của bị đơn chỉ thể hiện nội dung cần bảo hành ở 223 căn biệt thự, không nói rõ các hạng mục của các căn biệt thự nào có hư hỏng cần sửa chữa, khắc phục. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn chỉ rõ các hạng mục sai sót là phù hợp thỏa thuận hai bên và quy định pháp luật. Để sắp xếp bố trí được công tác bảo hành, nguyên đơn yêu cầu bị đơn xác định rõ các hạng mục hư hỏng cần sửa chữa bảo hành là phù hợp thực tế. Nguyên đơn không từ chối bảo hành nên việc bị đơn tự ý thuê đơn vị thứ ba sửa chữa là không đúng thỏa thuận. Do đó, bị đơn cho rằng nguyên đơn từ chối bảo hành trong thời hạn bảo hành và bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền 1.117.142.191 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá khách quan toàn diện vụ án khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Bản án sơ thẩm có một số thiếu sót cần khắc phục như sau: bản án đã nhận định không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng không tuyên ở phần quyết định và tại phần quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng tuyên xử theo Điều 468 Bộ luật dân sự là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại theo Điều 306 Luật thương mại.

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận B7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T

2. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 70/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận B7, Thành Phố Hồ Chí Minh

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H số tiền 1.117.142.191 đồng (một tỷ một trăm mười bảy triệu một trăm bốn hai nghìn một trăm chín một đồng) theo hợp đồng thi công Hàng rào và Cổng số CSCECVN-SEA-DP380-SUBP-090 ngày 24 tháng 4 năm 2019, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu được sử dụng số tiền 1.117.142.191 đồng chưa thanh toán cho nguyên đơn để bị đơn thực hiện công tác bảo hành thay cho nguyên đơn.

3. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T phải chịu án phí sơ thẩm là 45.514.266 đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm mười bốn nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng) được căn trừ vào số tiền 22.757.133 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn một trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0015352 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T còn phải nộp số tiền là án phí sơ thẩm là 22.757.133 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.054.194 đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi bốn nghìn một trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0014937 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0037147 ngày 10/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận B7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận B7;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS Quận B7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Phúc Hảo**



